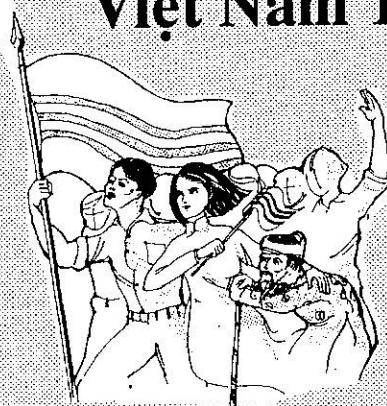


Những Đường Hướng Phát Triển Kinh Tế Việt Nam Tự Do



Trong hai năm vừa qua, tình hình chính trị trên thế giới đã có những biến đổi quan trọng, xuất phát từ trung tâm của khối công sản là Liên Bang Sô Viết và các nước Cộng sản Đông Âu. Kết quả ngắn hạn của những biến đổi trên là các nước Đông Âu lần lượt từ bỏ con đường xã hội chủ nghĩa, trong khi Liên Sô hết gấp khủng hoảng này tới khủng hoảng khác, và đang bị đe dọa bởi nguy cơ nội chiến.

Nguyên nhân sâu xa của những biến chuyển vừa qua là sau gần nửa thế kỷ trắc nghiệm, người ta đã công nhận rằng đường lối kinh tế kế hoạch tập trung đi cùng chế độ công hữu nhà nước và sở hữu tập thể đã không giải quyết thỏa đáng nhu cầu dân sinh. Khủng hoảng kinh tế trong khối cộng sản trở thành nghiêm trọng và công khai bởi những bế tắc của cộng sản chủ nghĩa, chứ cũng chẳng vì

những kế hoạch tấn công hay phá hoại xuất phát từ "khối tư bản".

Trước những biến chuyển trên, người Việt chúng ta tin rằng chế độ cộng sản trong nước cũng khó thoát cơn khủng hoảng. Việc chuyển hướng kinh tế từ chế độ tập trung kế hoạch hóa sang chế độ tự do là một việc sớm muộn gì cũng xảy ra. Vì quyền lợi của đất nước, người ta mong muốn biến cố này xảy ra càng sớm càng hay, và việc chuẩn bị và suy nghĩ về kế hoạch chuyển hướng kinh tế càng ngày càng được đề cập tới ở khắp nơi.

Từ một năm nay, người ta thấy nhiều hiệp hội chính trị hay đoàn thể chuyên môn tổ chức các cuộc diễn thuyết, bàn tròn hay hội thảo để trình bày hay tham khảo ý kiến về tình hình kinh tế chính trị trong nước, về các vấn đề chính trị quốc tế, về tương lai Việt Nam

trong vùng Đông Nam Á ... Đây là những việc đáng mừng và có thể mở đầu cho nhiều công trình hợp tác giữa các tổ chức hay đoàn thể chuyên môn, cùng nhau vào mục đích chung là tái thiết và phát triển một nước Việt Nam dân chủ, tự do.

Trong khuôn khổ hoạt động của một tổ chức chuyên nghiệp, như **hội Khoa Học và Kỹ Thuật Việt Nam**, việc kêu gọi các chuyên viên mọi giới cùng thảo luận, nghiên cứu và hợp tác về **đường hướng phát triển kinh tế Việt Nam Tự Do** là một hoạt động nặng về chuyên môn. Nhưng nội dung tự do kinh tế của một nước Việt Nam dân chủ và tiến bộ cũng bao hàm tinh thần nhân bản và giá trị văn hóa của dân tộc, cho nên phải được xác định như một lập trường chính trị rõ rệt. Bài viết dưới đây là một số ý kiến đóng góp về đường hướng phát

triển theo tinh thần nhân bản và dân tộc đó.

BA ĐIỀU KIỆN CỦA TỰ DO KINH TẾ.

Cuộc khủng hoảng và sự phá sản của các nước theo Cộng sản chủ nghĩa có nhiều nguyên nhân khác nhau, nhưng có ba nguyên nhân đáng kể là căn bản:

A. Hệ thống chính trị độc đảng làm suy mòn và thui chột sức sáng tạo của con người trong xã hội, và đưa vào ngôi vị lãnh đạo những người không thích hợp với mục tiêu phát triển kinh tế và tiến bộ xã hội.

B. Chế độ công hữu nhà nước hay sở hữu tập thể, và chính sách giới hạn quyền tư hữu của dân chúng, cản trở sự phát triển vì đi ngược với nguyện vọng người dân.

C. Chủ trương điều tiết sinh hoạt kinh tế quốc dân bằng kế hoạch nhà nước đưa đến việc vận động và sử dụng tài nguyên không đúng chỗ, vừa không giải quyết được vấn đề khan hiếm nhờ sản xuất và phân phối, vừa lãng phí tài nguyên quốc gia (người, của và kiến thức), lại vừa làm hư hại môi sinh.

Ra khỏi khuôn khổ kinh tế tập trung kiểu cộng sản, người ta cần có nhiều điều kiện mới có thể phát triển nền kinh tế tự do. Chẳng hạn như phải có tư doanh, tư bản, nhân công, kiến thức khoa học kỹ thuật, cơ chế yểm trợ phát triển, vân vân... Nhưng, căn bản hơn cả người ta cần ba điều kiện tối thiểu sau đây:

I. Hệ thống chính trị phải

dân chủ để mọi người đều có quyền cạnh tranh bình đẳng và phát huy sáng kiến làm giàu cho mình và đất nước.

II. Chế độ tư hữu phải được tôn trọng, chế độ công hữu (qua trung gian nhà nước hay các xí nghiệp quốc doanh) phải được giới hạn - coi như ngoại lệ - và phải được giảm dần theo đà phát triển của kinh tế tư doanh.

III. Sinh hoạt kinh tế phải được tự do để quy luật thị trường điều động việc sử dụng tài nguyên và phát triển kinh tế.

Không có ba điều kiện căn bản trên, người ta chưa thể nói tới tự do kinh tế, đó là trường hợp của nước ta ngày hôm nay. Nhưng ba điều kiện trên không thể hôm trước hôm sau mà có ngay lập tức. Người ta phải qua một giai đoạn giao thời, sẽ phải giải quyết một số vấn đề cấp bách trong chiều hướng hoàn thiện ba điều kiện căn bản trên.

NHỮNG VẤN ĐỀ GIAO THỜI.

Khi chuyển hướng nền kinh tế từ tình trạng kém phát triển và bị kế hoạch hóa sang một nền kinh tế tự do, người ta phải đối phó với nhiều vấn đề. Những khó khăn của Tây Đức, một siêu cường kinh tế đứng hàng thứ ba trên thế giới, khi phải hội nhập và chuyển hóa kinh tế Đông Đức, cũng như những khó khăn của nhiều nước Đông Âu mà cộng sản Việt Nam coi là bức thây, là đàn anh, khiến người ta không thể lạc quan cho rằng chỉ cần chấm dứt chế độ cộng

sản là kinh tế lập tức ổn định và phát triển theo kịp các nước khác. Nước ta còn phải đối phó với nhiều vấn đề phức tạp và trầm trọng hơn các nước Đông Âu.

Trong giai đoạn chuyển tiếp đó, người ta phải nghĩ tới những dự án, chương trình và kế hoạch đi từ ngắn hạn tới dài hạn, từ cục bộ tới toàn quốc.

Thoạt khởi thủy, người ta cần có những chương trình ổn định tình hình kinh tế, ổn định những sinh hoạt thiết yếu của dân chúng. Những chương trình này bao gồm nhiều dự án cứu trợ về lương thực, y tế, năng lượng, những dự án bảo trì và gìn giữ các cơ sở sản xuất và hạ tầng chuyển vận hay viễn thông còn ít ỏi sơ sài và sẽ dễ dàng bị phá hoại, bị thất thoát hư hao, khi xã hội lâm vào tiến trình chuyển biến chính trị. Những dự án và chương trình này phải nằm trong kế hoạch lâu dài là chấn chỉnh những điều kiện cần trở phát triển, và tạo dựng điều kiện cho cơ chế kinh tế tự do. Chấn chỉnh những điều kiện cần trở phát triển có nghĩa là phải sửa sai lại nền móng hiện nay một cách ôn hòa và sáng suốt. Việc xây dựng điều kiện phát triển kinh tế tự do bao gồm nhiều công trình cần thiết về pháp chế dân chủ, về luật tự do kinh tế, về việc thiết lập những định chế cần thiết cho sinh hoạt kinh tế xã hội trong lâu dài.

Hiện nay, nếu người ta chưa có khả năng cụ thể góp ý hay thực hiện các dự án cấp thiết lúc giao thời thì vẫn có thể nghiên cứu, trao đổi ý kiến và

chuẩn bị những chương trình và kế hoạch trong chiều hướng chấn chỉnh và xây dựng nói trên.

Thí dụ: Muốn có nền móng phát triển vững chắc, ngay từ đầu, ta phải nghĩ tới việc xây dựng hạ tầng cơ sở theo kịp tiêu chuẩn tân tiến hiện nay; chẳng hạn như về hỏa xa thì nên xây dựng thiết lô rộng 1,435 mét, thay vì chỉ sửa sang lại hệ thống cũ, không còn giá trị kinh tế cao và không thích hợp khi nối liền với các nước láng giềng; chẳng hạn như về hệ thống chuyển vận hàng hải, phải nghĩ tới các kiện hàng (container) có kích thước tiêu chuẩn hóa, thay vì trở lại kỹ thuật bốc dỡ cổ điển, kém hiệu năng kinh tế; chẳng hạn như nên dứt khoát đầu tư vào những công trình mới theo kỹ thuật mới thay vì tu bổ lại những công trình cũ, nhập cảng máy móc cũ (loại "second hand") rẻ tiền mà kém giá trị cạnh tranh hoặc gây hư hại môi sinh, vân vân ...

Muốn như vậy, phải tìm ra tài nguyên đầu tư, khi tài nguyên ban đầu còn giới hạn, phải chọn lựa những khu vực có tác dụng dây chuyền cao nhất, tức là chọn lựa ưu tiên, thì ưu tiên nào, cho khu vực nào?

KẾ HOẠCH QUỐC GIA VÀ ĐỘNG LỰC CÁ NHÂN.

Khi nói tới kế hoạch, người ta nói tới một sự chọn lựa và phối hợp có chủ đích, căn cứ trên một số suy tính hơn thiệt nào đó. Vấn đề của kế hoạch là ai suy tính, phối hợp ai, hơn cho ai, thiệt cho ai? Một thí dụ cụ thể dưới đây có thể làm rõ ra vấn đề vừa nêu:

Hiện nay, khu vực nông nghiệp quy tụ lối 70% của trên 30 triệu nhân lực hoạt động, và chỉ đóng góp khoảng 40% sản lượng quốc gia. Phần còn lại (gần 30% dân số hoạt động) sinh sống trong khu vực kỹ nghệ (sản xuất ra khoảng 25% sản lượng gộp), khu vực dịch vụ thương mại (12%), xây cất (trên 3%), vận tải và giao thông (dưới 5%) và linh tinh (trên 15%). Với cơ cấu dân số và sản xuất này, nước ta sẽ khó phát triển thành một nước kỹ nghệ giàu mạnh. Song song, mật độ dân chúng trong các vùng châu thổ, đặc biệt tại miền Bắc, là một vấn đề cần giải quyết. Một cách sơ sài mây móc và căn cứ trên cơ cấu của các nước tân kỹ nghệ, người ta có thể đề ra một mục tiêu sơ khởi, chẳng hạn như sử dụng 25% dân số cho nông nghiệp, 10% khai thác các cây kỹ nghệ, 25% cho các ngành ngư nghiệp, chăn nuôi hay biến chế thực phẩm cho nhu cầu nội địa và xuất cảng, 15% cho các ngành tiểu công nghiệp và kỹ nghệ nhẹ, 10% cho công kỹ nghệ nặng, và 15% cho các ngành du lịch ... Đó là đứng trên phương diện "quyền lợi quốc gia khách quan" mà nói.

Khi đi vào thực tế, người ta sẽ phải làm gì để tiến tới cơ cấu trên, người ta cần phối hợp những gì, ai phối hợp?

Câu trả lời có ngay trong tâm trí là người ta phải có nhiều nỗ lực phân bố lại nhân số lao động, trong đó, có kế hoạch di dân. Việc di dân thì người Pháp ngày xưa cũng đã làm ở nước ta. Thời kế tiếp,

các chính quyền Nam cũng đã làm. Đó là việc chính quyền cộng sản tại miền Bắc đã làm, trước 1975, và còn làm mạnh hơn sau 1975, "khu kinh tế mới" là vậy ... Việc phân bố lao động theo vùng hay theo ngành, căn cứ trên mục đích gọi là ích lợi nhất cho cả nước, có thể là nhu cầu tiên khởi của kế hoạch. Nhưng khi áp dụng có khi người ta mới thấy là người dân lại không nhìn vấn đề như vậy. Khi phải di chuyển từ vùng này qua vùng khác, bỏ lại phía sau mồ mả cha ông, người Việt mình ai cũng có thể thấy ngại ngùng. Nếu nhân danh quyền lợi chung (diều mà người bị thiến cư cho là chưa chứng minh được, vì còn trừu tượng lý thuyết) chính quyền tân lập bắt đầu dựng kế hoạch cưỡng bách di dân và có thể sẽ thất bại vì phản ứng của người dân muốn bảo vệ quyền lợi cục bộ. Nếu chủ quan và có một chút quyền hành để nhất quyết làm cho bằng được, dân chúng sẽ cho là chính quyền mới chẳng làm khác thực dân và cộng sản.

Một phương hướng đưa ra là chính quyền phải tạo điều kiện tiên khởi, tức là xây dựng hoàn cảnh sinh sống thuận lợi cho dân chúng ở những nơi cần sức dân, cho người dân quyền tự do lựa chọn. Theo đúng nguyên tắc tự do kinh tế mà người ta muốn thấy áp dụng tại Việt Nam, chính quyền phải khởi xướng bước đầu, tức là xây dựng hạ tầng cơ sở chuyển vận cho thuận tiện. Rồi theo đó, khi thấy sống nơi khác có lợi hơn sống nơi này, vì đất đai trù phú hơn

hoặc công ăn việc làm dễ kiếm hơn, lương cao hơn ... người ta sẽ tự động đi, nếu việc di chuyển không khó khăn, không bị phiền nhiễu, nếu cuộc sống nơi đất mới cũng bảo đảm cho họ những điều kiện gia cư, giáo dục con em tốt đẹp ...

Mối tương quan giữa kế hoạch cấp quốc gia với phản ứng tự do của dân chúng có thể được thấy trong thí dụ giản lược nói trên. Có nhiều chính quyền đã thất bại vì tưởng là nhân danh "quyền lợi chung" đòi dân chúng phải sống nơi này, làm nghề nô và cho bộ máy hành chánh áp dụng những biện pháp cưỡng chế. Thất bại nặng nề là chính quyền cộng sản trong các kế hoạch đầu tư vào công nghiệp nặng, khai hoang hay hợp tác hóa nông nghiệp. Chính quyền tự do và dân chủ sau này không thể lại lăn theo vết xe đổ.

Nguyên tắc đặt ra là phải cho dân chúng quyền tự nguyện chọn lựa. Muốn dân chọn khu vực có lợi cho tập thể quốc gia thì phải làm sao cho bản thân người dân cũng có lợi ích. Chính quyền phải có những chuẩn bị và hoàn thành những điều kiện thuận lợi, trước khi nói tới chuyện khuyến khích dân đổ sức lao động trong những khu vực mới hay những vùng đất mới.

Khi xác định nguyên tắc này rồi, người ta mới có thể thảo luận tiếp về những khu vực nên ưu tiên phát triển theo lợi thế tương đối của nước ta. Thí dụ như đường hướng nên phát triển là khu vực nông nghiệp, lâm ngư hải

sản, chăn nuôi mục súc, cây kỹ nghệ, như ngành điện toán hay tín học (informatics), kỹ nghệ hóa chất gốc dầu hỏa ... khai thác lợi thế về tài nguyên đất đai, về sự cần cù tì mỉ khéo tay của dân ta.

Đường hướng phát triển kinh tế quốc gia theo khuynh hướng tự do phải nhắm vào quy luật cung cầu của thị trường, nhưng cũng căn cứ trên những ưu thế tương đối của nước ta. Thí dụ như trong điều kiện hiện nay, đất nước ta có nhiều ưu thế tương đối về nông nghiệp, ngư lâm hải sản, có nhiều khả năng về kỹ nghệ gốc nông phẩm, về hóa chất gốc dầu hỏa, dân ta khéo tay học le cũng có nhiều triển vọng thành công trong lãnh vực ráp chế dụng cụ điện tử. Trong hoàn cảnh như thế, người ta nên tạo điều kiện thuận lợi cho dân đi vào những thị trường trên để phát huy khả năng tương đối của mình, hơn là chủ quan rập khuôn theo người mà ưu tiên phát triển kỹ nghệ nặng và bị thất bại.

Một kết luận tạm ở đây là động lực cá nhân giữ vai trò quyết định cho kế hoạch quốc gia, và vì động lực cá nhân trong kinh tế cũng tùy thuộc vào quy luật cung cầu của thị trường, nên kế hoạch phải nương vào thị trường mới có thể thành công, chứ kế hoạch không điều khiển thị trường. Chẳng hạn, khi nghe nói địa phương này có điều kiện thuận lợi để sản xuất một loại hàng nô, bán ra được giá thì người dân tự động tìm đến, nếu không bị cản trở cấm đoán. Kế hoạch quốc gia phải

tạo điều kiện thuận lợi, lần lượt giải quyết những cản trở, được như vậy thì không cần ép buộc, dân chúng cũng tự động tìm ra nơi sinh sống hay chọn ngành nghề sinh nhai có lợi nhất cho họ, mà cũng là cho cả quốc gia.

Việc giải quyết những cản trở này có thể là xây dựng hạ tầng cơ sở vận chuyển, giao thông, thông tin, xây dựng gia cư, chợ búa, nhà thương trường học, đào tạo cán sự chuyên môn, mở ra các chương trình huấn nghệ, thiết lập hệ thống luật lệ thuế khóa phân minh, tiến bộ, giải tỏa những thủ tục hành chánh rườm rà phức tạp, vân vân ... Nhiệm vụ của chính quyền là tạo điều kiện cho dân chúng làm giàu nhanh nhất, trong những lãnh vực chiến lược nhất cho quốc gia. Khi có điều kiện thuận lợi thì chẳng ai ép người ta cũng làm. Bằng không thì dù có bị bốc khỏi làng xã vứt vào rừng, hoặc bị súng đạn canh chừng, thì người ta vẫn trốn về, hoặc lảng công, chẳng ai muốn sản xuất, kế hoạch nào cũng hỏng.

CÁC CHUYÊN GIA VÀ VIỆC PHÁT TRIỂN KHU VỰC TÙ.

Những nước kém mang thường thiếu nhân sự có khả năng chuyên môn và những người có một số kiến thức chuyên môn thường ưa đi vào khu vực nhà nước, là nơi có quyền hành, có ngân sách, có điều kiện thi thố khả năng. Vì vậy, hiện tượng chung trong các nước chưa phát triển là chính quyền thường tập trung chất xám, ban hành những

biện pháp có hình thức ích quốc lợi dân, thực chất có khi chỉ là kế hoạch trùu tượng của khối nhân sự chuyên môn trong chính quyền. Nước Việt Nam không ra khỏi ngoại lệ và cũng sẽ khó tránh khỏi hiện tượng trên.

Việc nghiên cứu ra các kế hoạch phát triển kinh tế theo một đường hướng tiến bộ là một việc nên làm và cần làm. Nhưng trong tiến trình nghiên cứu, người ta nên tránh cái tệ nạn “chủ quan duy ý chí” đã từng gây bao khổ nạn cho dân chúng dưới chế độ cộng sản. Cứ nhất định làm cho bằng được một số việc - có thể vì nghĩ rằng có lợi cho dân chúng - và giữ chặt quyền bính bắt dân thi hành những việc đó, thì kế hoạch nào cũng sẽ thất bại. Ngược lại, nếu biết tin vào sự sáng suốt của những người khác, kể cả quần chúng bình dân có học vấn không cao siêu, người ta sẽ biết tận dụng tính tháo vát và tinh thần sáng tạo của dân chúng vào những việc quốc kế dân sinh.

Phản ứng tự nhiên của nhiều chuyên viên kỹ thuật gia là tự tin, thái quá, khi thấy trình độ kiến thức trong nước quá thấp so với sự hiểu biết chuyên môn của mình. Tự tin thái quá nên mới nghĩ là mình nắm được chìa khóa của sự phát triển. Cũng vì mình tự tin thái quá nên mới không dám tin là dân chúng sẽ biết đâu là lợi hại là hại. Vì không dám tin nên mới đến việc hoạch định tất cả, cho dân cư theo đó mà thi hành là mọi việc đều tốt đẹp. Chính quyền lại trở thành “cha mẹ dân” là

vì vậy. Với thiện chí ban đầu, người ta vẫn có thể trở thành độc tài và nhân danh hạnh phúc quốc dân ép dân làm những việc họ thấy là không có lợi cho họ. Khi bắt đầu xây dựng tự do kinh tế và tìm tác động phát triển ở thị trường, người ta cần phải phát huy quyền tự do của người khác.

Trước nhất là phải tìm cách giản lược hóa nền hành chánh cho dân sinh sống, di chuyển và lao động thoải mái. Sau đó, phải biết giới hạn việc chính quyền can thiệp vào kinh tế, để cho dân chúng được tự do chọn lựa. Cần bản hơn cả, người ta cần phát triển khu vực tư trong cơ cấu kinh tế xã hội.

Thiết thực nhất trong mục đích này là các chuyên gia, chuyên viên, kỹ sư và kỹ thuật gia nên nghĩ tới việc tham gia vào đời sống kinh tế trong lãnh vực tư, đem kiến thức của mình mở mang cho khu vực tư doanh của nước nhà trở thành một khu vực mạnh, có khả năng cạnh tranh với doanh nhân nước ngoài, thay vì chỉ nghĩ tới khu vực tập trung nhiều quyền hạn và phương tiện, là chính quyền hay các xí nghiệp công. Sự tham dự đồng đảo của những người có kiến thức chuyên môn vào lãnh vực tư là một sự tiến bộ cụ thể để giới hạn dân quyền lực quá lớn của khu vực chính quyền, từ bao năm nay vẫn phát triển rất mạnh ở nước ta vì những cơ cấu chính trị, giáo dục và kinh tế vẫn tập quyền và lạc hậu, thừa hưởng từ thời quân chủ phong kiến sang thời thực dân qua thời cộng sản.

Nguyên tắc có tính chất tiên quyết cho việc xây dựng và phát triển nền kinh tế tự do là người dân phải có quyền tự do kinh tế và biết hành xử những quyền này. Muốn vậy xã hội phải có được một khu vực tư nhân đồng đảo và có khả năng, ít nhất cũng ngang ngửa với khu vực công trong lúc ban đầu.

Cho tới nay, đây là một vấn đề nóng bỏng nhất của nước ta.

Người ta nói nhiều tới việc “giải tư” các xí nghiệp quốc doanh hay trả lại cho tư nhân những cơ sở sản xuất tập thể, khi thấy là khu vực tư nhân hiện đóng góp chưa tới 30% tổng sản lượng, phần còn lại là do khu vực “xã hội chủ nghĩa” (quốc doanh và tập thể) sản xuất ra, với năng suất thấp và lâng phí cao. Muốn phát triển khu vực tư nhân, có người mua lại và khai thác những cơ sở được giải tư, được tư hữu hóa, người ta phải phát triển tư doanh, và phải có tư nhân kinh doanh. Tìm đâu ra nguồn nhân lực này nếu những người có tài sản và kiến thức chuyên môn ở bên ngoài không chuẩn bị xây dựng, và trước nhất không trực tiếp đảm nhận lấy? Việc đó không đơn giản có nghĩa là mọi người có kiến thức đều đổ xô vào doanh trường, trở thành doanh nhân, mà chỉ có nghĩa là nên dồn kiến thức chuyên môn vào việc phát triển khu vực tư, trong kinh doanh, trong giáo dục, trong huấn nghệ, trong những cơ chế tự lập có mục tiêu yểm trợ sản xuất chẳng hạn. Nếu có nhiều xí nghiệp tư, đại học tư, hiệp hội chuyên